

Tên hàng	Đơn giá	ĐVT
Tủ điện điều khiển 1 máy bơm		
- 30hp	4.229.000	đ/cái
- 40hp	5.194.000	“
- 50hp	6.254.000	“
Trụ chữa cháy		
- 3 cửa D65, D100 - China	3.021.000	đ/cái
- Hiệp lực D100; 1,8m	12.190.000	“
- Không đế ShinYi D100	9.434.000	“
- Bao gồm đế ShinYi D100	12.508.000	đ/bộ
- Không đế ShinYi D150	10.388.000	đ/cái

Tên hàng	Đơn giá	ĐVT
- Bao gồm đế ShinYi D150	14.204.000	đ/bộ
Máy dò báo gas cầm tay		
- Hàn Quốc - GR-801D	1.431.000	đ/cái
- Đức - FGD1 GEO-Fennel	3.710.000	“
Van phao D100 Shinyi, DN50	4.134.000	“
Van giảm áp suất D200 ShinYi, DN50	6.095.000	“
Van cổng ty chìm Shinyi, DN50	1.897.000	“
Van an toàn D500 Shinyi, DN50	7.208.000	“
Chỉ niêm phong	191.000	đ/kg
Dây kẽm niêm phong	212.000	“

## THIẾT BỊ ĐIỆN

### Máy biến áp Thibidi, EMC

(Áp dụng từ 15/3/2022, chưa có thuế VAT)

### CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN LOTECH

Địa chỉ: 818/36 Lê Trọng Tấn, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: 0938 41 65 66

### MÁY BIẾN ÁP THIBIDI

Công suất	Đơn giá (đ/máy)		
	(1)	(2)	(3)
	22/0,4kV	22/0,4kV	22/0,4kV
<b>Máy biến áp dầu THIBIDI 3 pha (Amorphous Ecotrans)</b>			
100kVA	157.985.000	143.623.000	143.623.000
160kVA	181.447.000	164.952.000	164.952.000
250kVA	260.734.000	237.031.000	185.712.000
320kVA	314.657.000	286.052.000	237.031.000
400kVA	367.771.000	334.338.000	286.052.000
560kVA	424.653.000	383.184.000	334.338.000

Công suất	Đơn giá (đ/máy)		
	(1)	(2)	(3)
	22/0,4kV	22/0,4kV	22/0,4kV
630kVA	435.555.000	395.958.000	383.184.000
750kVA	462.777.000	420.707.000	395.958.000
800kVA	494.009.000		420.707.000
1000kVA	591.153.000	537.411.000	449.099.000
1250kVA	698.588.000	635.080.000	537.411.000
1500kVA	810.636.000		635.080.000
1600kVA	819.284.000	744.803.000	744.803.000
2000kVA	1.007.033.000	915.486.000	915.486.000

Công suất	(1)		(2)		(3)
	12,7/0,23kV	22/0,23kV	12,7/0,23kV	22/0,23kV	22/0,23kV
<b>Máy biến áp dầu THIBIDI 1 pha (Amorphous Ecotrans)</b>					
15kVA		37.364.000	38.703.000	33.966.000	37.286.000
25kVA		47.016.000	48.245.000	42.741.000	43.860.000
37,5kVA		58.111.000	60.173.000	52.829.000	54.703.000
50kVA		66.068.000	71.009.000	60.062.000	64.555.000
75kVA		87.253.000	90.959.000	79.320.000	93.962.000
100kVA		103.390.000	107.420.000	93.992.000	97.654.000

**Ghi chú:**

(1) Thông số kỹ thuật áp dụng theo Quyết định 107/QĐ - HĐTV của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam

(2) Thông số kỹ thuật áp dụng theo các Quyết định 62/QĐ - EVN của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam, 7691/QĐ - EVN CPC của Tổng Công ty điện lực miền Trung, 3370/EVNHCMC - KT của Tổng Công ty điện lực TP.HCM

(3) Thông số kỹ thuật áp dụng theo các Quyết định 2608/QĐ - EVN SPC của Tổng Công ty điện lực miền Nam.

### MÁY BIẾN ÁP EMC

Công suất	Đơn giá (x 1.000đ/máy)	
	12,7/0,23kV	22/0,23kV
<b>Máy biến áp Amorphous</b>		
Máy biến thế phân phối 1 pha		
15kVA	39.280	40.680
25kVA	49.420	50.710
37,5kVA	61.080	63.250
50kVA	69.440	74.640
75kVA	91.700	95.280
100kVA	108.660	112.910

Công suất	Đơn giá (x 1.000đ/máy)	
		22/0,4KV
Máy biến thế phân phối 3 pha		
100 kVA		166.040
160 kVA		190.700
250 kVA		274.020
320 kVA		330.690
400 kVA		386.510
560 kVA		442.980
630 kVA		457.740